

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH NHAI
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST
Ngày 14-7-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Điều Thị Châu.
2. Ông Đỗ Xuân Thành.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Cầm Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai tham gia phiên Tòa:
Ông Vũ Bá Ly – Kiểm Sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 04 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị T – Sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Bản TC, xã M, huyện SM, tỉnh Sơn La.

Nơi ở hiện nay: Tổ 9, Phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Lò Minh T1 – Sinh năm 1976

Nơi ĐKKHKT: H, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

Hiện bị đơn đang cải tạo tại : Đội 13, K1, trại giam Y, huyện P. Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 18/04/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Chị và anh Lò Minh T1 tự nguyện tìm hiểu, lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 07/12/2009 tại UBND xã M, huyện SM, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn, anh chị sống cùng nhau tại bản TC, xã M, huyện SM, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống, đến năm 2020 giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau về tính cách dẫn đến cãi vã và xô xát, đỉnh điểm đến ngày 10/6/2020 anh Lò Minh T1 bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại H, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La sinh sống, còn chị chuyển ra tổ 9, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La làm việc, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không còn qua lại quan tâm nhau nữa. Đến ngày 14/10/2021 anh Lò Minh T1 bị bắt vì tội tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 26/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai xử phạt 18 tháng tù, hiện nay anh đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ nên chị T đề nghị Tòa án được ly hôn với anh Lò Minh T1.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, các cháu tên Lò Thị Minh T2 sinh năm 2010 và Lò Minh H sinh ngày 04/6/2020, hiện các cháu đang sống cùng tôi. Sau khi ly hôn, do anh T1 đang ở trong trại chấp hành án, không có điều kiện để nuôi dưỡng chăm sóc, hoặc cấp dưỡng cho các con nên tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cháu, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng phí tổn nuôi con cùng tôi sau ly hôn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn biên bản ghi lời khai ngày 09/06/2022 bị đơn anh Lò Minh T1 trình bày:

Anh và chị Lò Thị T lấy nhau trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND xã M, huyện SM, tỉnh Sơn La. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì xảy ra, cho đến năm 2021 do tôi đi làm ăn xa, dính vào tệ nạn ma túy, nghiện ngập, bỏ bê vợ con, không quan tâm đến gia đình, đến ngày 14/10/2021 bị bắt giữ vì tội tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 26/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh nhai xử phạt 18 tháng tù, hiện nay tôi đang chấp hành án tại Đội 13, phân trại 1, trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

Nay chị T làm đơn xin ly hôn tôi, tôi nhận thấy mình vẫn còn tình cảm với vợ nên tôi không nhất trí ly hôn. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai chờ tôi chấp hành án xong trở về mới giải quyết việc ly hôn giữa tôi và chị T.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung, cháu lớn tên Lò Thị Minh T2 sinh năm 2010, cháu thứ hai tên Lò Minh H sinh ngày 04/6/2020, hiện các cháu đang sống với chị T. Do hiện nay tôi đang chấp hành án không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng được 02 cháu được, đồng thời 02 cháu còn nhỏ, tôi yêu cầu vợ tôi phải chăm sóc con chung trong thời gian tôi chấp hành án tại trại giam.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/05/2022 lấy ý kiến của cháu Lò Thị Minh T2, nguyện vọng của cháu nếu bố mẹ ly hôn, cháu xin được ở với mẹ là Lò Thị T.

Trước phiên tòa Bị đơn do đang chấp hành án tù nên có đơn xin xét xử vắng mặt (ngày 09/06/2022), đề nghị giữ nguyên yêu cầu tại bản tự khai ngày 09/6/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm; các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70; 71; 72; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án:

Do chị Lò Thị T và anh Lò Minh T1 lấy nhau có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật và nhà nước công nhận và bảo vệ. Nay do mâu thuẫn về tính cách, quan điểm và lối sống, anh T1 mắc vào tệ nạn ma túy, bỏ bê vợ con, không quan T1 gia đình, đồng thời bắt giữ và xét xử và đang chấp hành án vì tội Tàng trữ trái phép chất ma túy thời hạn 18 tháng tù. Chị T xin được ly hôn với anh T1, anh T1 không đồng ý.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn anh Lò Minh T1.

Về con chung: Đề nghị giao các cháu Lò Thị Minh T2 sinh năm 2010, Lò Minh H sinh ngày 04/6/2020 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh Lò Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Do chị T và anh T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với nợ chung: Không có, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Lò Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung đối với anh Lò Minh T1, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Lò Minh T1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi chấp hành án là H, xã C, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[3] Bị đơn anh Lò Minh T1 vắng mặt tại phiên tòa do đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, nhưng đã có đơn xin Tòa án xét xử vắng mặt ngày 09/6/2022. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Theo nguyên đơn và bị đơn trình bày, và tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn Chị T và anh T1 lấy nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 07/12/2009 đến nay, theo đúng quy định của pháp luật. Việc anh chị đăng ký kết hôn là hợp pháp, quan hệ hôn nhân giữa anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay do không hợp nhau về tính cách và lối sống, anh T1 mắc vào tệ nạn ma túy, bỏ bê vợ con, không quan tâm gia đình, đến ngày 14/10/2021 bị bắt giữ vì tội tàng trữ trái phép chất ma túy và ngày 26/01/2022 bị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai xử phạt 18 tháng tù, hiện nay anh đang chấp hành án tại Đội 13, phân trại 1, trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh T1, anh T1 có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị T, đồng thời đề nghị Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai chờ anh chấp hành án xong trở về mới giải quyết việc ly hôn giữa hai anh chị.

Xét thấy Anh T1 cho rằng giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn, tình cảm vẫn bình thường, nhưng trên thực tế chị T và anh T1 đã ly thân từ năm 2020 đến nay không còn qua lại, liên lạc hay quan tâm nhau nữa, anh T1 đã bỏ bê không quan tâm chăm sóc gia đình, đồng thời đã mắc nghiện ma túy và hiện phải đi chấp hành án vì tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, giữa hai người không còn T1 yêu chăm sóc quan tâm nhau nữa, mâu thuẫn đến nay đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị T1 có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn với anh T1 theo khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Minh T1.

Mặt khác, đối với yêu cầu Tòa án chờ anh T1 chấp hành án xong trở về mới giải quyết việc ly hôn giữa hai anh chị của anh T1 là không đúng với quy định của pháp luật, vì vậy tòa án không chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[5] Về con chung: Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, chị Lò Thị T có ý kiến xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung là các cháu Lò

Thị Minh T2 sinh năm 2010, Lò Minh H sinh ngày 04/6/2020, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con cùng chị sau ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, do anh Lò Minh T1 đang chấp hành án tại trại giam Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, thời hạn chấp hành án là 18 tháng, anh T1 không thể đảm bảo việc nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Mặt khác cháu H còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, cần được sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ và cháu T2 cũng có nguyện vọng muốn được sống chung cùng chị T, chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dạy cả 02 cháu.

Do đó căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Lò Thị Minh T2 sinh năm 2010, Lò Minh H sinh ngày 04/6/2020 cho mẹ là chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Lò Minh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về khoản nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai là phù hợp nên HĐXX chấp nhận toàn bộ ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị T.
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Minh T1.
3. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lò Thị Minh T2 sinh năm 2010, Lò Minh H sinh ngày 04/6/2020, cho mẹ là chị Lò Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lò Minh T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, có quyền yêu cầu về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lò Minh T1 không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Lò Thị T phải chịu **300.000 (ba trăm nghìn)** đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo Biên lai thu số 0001128 ngày 18/04/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳnh Nhai.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Quỳnh Nhai;
- Chi cục THA Dân sự huyện Quỳnh Nhai;
- UBND xã M, huyện SM, tỉnh Sơn La;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Hương

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Quỳnh Nhai;
- Chi cục THA Dân sự huyện Quỳnh Nhai;
- UBND xã Mường Giôn,

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

huyện Quỳnh Nhai;
- UBND xã M, huyện SM,
tỉnh Sơn La;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Thanh Hương